



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN BKR INTERNATIONAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt cho Ban Tổng giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM



Phạm Thị Cẩm Anh
Phó Tổng giám đốc
Giấy ủy quyền số 09/UQCT ngày 16/06/2017)
Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 11 tháng 08 năm 2017, từ trang 05 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2017, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận

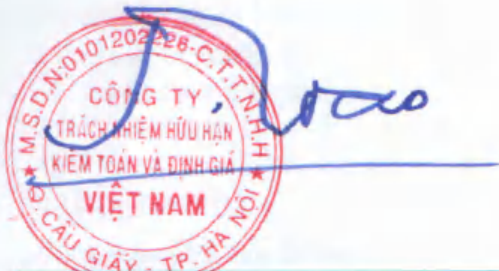
Như đã trình bày tại Thuyết minh số V.12 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, khoản Công ty mua lại 20% vốn góp của Ông Nguyễn Tất Lạc tại Công ty TNHH Chackkaphanh Mining Group (nay là Công ty TNHH Huatangnai Mining Group) theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN ngày 23/6/2010 với giá trị là 77.022.500.000 đồng đã được Hội đồng quản trị Công ty đánh giá là một khoản tổn thất theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 10/2015/BB-HĐQT ngày 25/12/2015. Công ty đã thực hiện ghi nhận 50% giá trị khoản tổn thất tương ứng với giá trị 38.511.250.000 đồng vào Chi phí quản lý doanh nghiệp để xác định kết quả kinh doanh năm 2015 và năm 2016 công ty kết chuyển thêm 6.000.000.000 đồng vào kết quả hoạt động kinh doanh. Phần còn lại của khoản tổn thất nêu trên là 32.511.250.000 đồng được Công ty ghi nhận vào khoản mục Chi phí trả trước dài hạn. Với những tài liệu hiện có tại Công ty và bằng các thủ tục kiểm toán, chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng để đánh giá tính hiện hữu của khoản đầu tư nêu trên và không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để xác định khoản đầu tư nêu trên là tổn thất. Do đó chúng tôi không thể xác định được các ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đến các chỉ tiêu có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017 của Công ty.

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
(tiếp theo)

Như đã trình bày tại Thuyết minh số V.5 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, khoản phải thu khác của Công ty TNHH Phong Thịnh với giá trị 11.347.160.000 đồng là khoản chuyển tiền theo Hợp đồng Dây chuyền tuyến nổi quảng đồng số 09/2010 ngày 08/09/2010; Phụ lục hợp đồng ngày 22/02/2011; Phụ lục hợp đồng 02 ngày 22/03/2011. Tuy nhiên, tại thời điểm soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017, theo giải trình của Công ty thì khoản phải thu khác nêu trên được xác định là khoản đầu tư vào Nhà máy chế biến quặng thành phẩm M.P.F (nhà máy đặt tại bản Huai phan la, huyện Kasi, tỉnh Viêng Chăn, nước Cộng hòa DCND Lào) nhưng Công ty chưa thực hiện chuyển khoản phải thu khác này sang khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính. Với những tài liệu hiện có tại Công ty và bằng các thủ tục kiểm toán, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số dư khoản phải thu khác nêu trên hay không.

Từ chối đưa ra kết luận

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận” như trên, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra kết luận nào về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo cho kỳ hoạt kết thúc ngày 30/06/2017 của Công ty.



Phạm Ngọc Toàn
Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0024-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		497.942.529.900	481.951.657.028
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	94.127.910.280	105.782.587.930
1 Tiền	111		66.371.421.238	41.090.219.930
2 Các khoản tương đương tiền	112		27.756.489.042	64.692.368.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.5.	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		126.521.690.240	228.694.143.525
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	89.368.173.614	185.572.678.131
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3.	8.789.977.641	5.990.710.488
3 Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4.	56.300.000.000	56.300.000.000
4 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6.	33.089.094.885	41.856.310.806
5 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(61.025.555.900)	(61.025.555.900)
IV. Hàng tồn kho	140	V.8.	236.818.993.881	116.630.059.953
1 Hàng tồn kho	141		236.818.993.881	116.630.059.953
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		40.473.935.499	30.844.865.620
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12.	99.004.098	125.102.887
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		39.925.922.430	30.669.416.969
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.15.	449.008.971	50.345.764
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		249.644.360.024	250.218.252.987
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		14.500.000	14.500.000
1 Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.2.	145.165.493	145.165.493
2 Phải thu dài hạn khác	216	V.6.	404.500.000	404.500.000
3 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(535.165.493)	(535.165.493)
II. Tài sản cố định	220		23.053.638.020	19.027.483.412
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.9.	23.053.638.020	19.027.483.412
- Nguyên giá	222		49.296.792.486	44.469.480.228
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.243.154.466)	(25.441.996.816)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10.	881.367.500	881.367.500
- Nguyên giá	231		881.367.500	881.367.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11.	151.983.940.852	154.731.240.235
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		151.983.940.852	154.731.240.235
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.5.	28.741.894.721	28.741.894.721
1 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		22.541.394.721	22.541.394.721
2 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		6.200.500.000	6.200.500.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		44.969.018.931	46.821.767.119
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12.	32.947.978.575	33.246.767.119
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		708.540.356	-
3 Lợi thế thương mại	269		11.312.500.000	13.575.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		747.586.889.924	732.169.910.015

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		423.441.912.200	383.727.466.076
I. Nợ ngắn hạn	310		375.432.499.300	380.767.141.076
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13.	146.792.261.834	212.817.791.634
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14.	29.257.269.126	24.135.920.955
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15.	510.357.845	6.922.613.188
4 Phải trả người lao động	314		971.101.628	179.714.927
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17.	43.232.294.494	34.722.445.302
6 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18.	57.458.815.964	48.469.236.613
7 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16.	94.937.819.227	52.091.491.449
8 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.272.579.182	1.427.927.008
II. Nợ dài hạn	330		48.009.412.900	2.960.325.000
1 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16.	48.009.412.900	2.960.325.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		324.144.977.724	348.442.443.939
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19.	324.144.977.724	348.442.443.939
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		59.696.774.500	59.696.774.500
3 Cổ phiếu quỹ	415		(21.102.892.075)	(21.098.433.409)
4 Quỹ đầu tư phát triển	418		25.183.653.303	25.183.653.303
5 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		4.232.251.900	4.232.251.900
6 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(28.370.125.178)	(6.418.393.171)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(22.024.911.953)	(20.667.762.943)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(6.345.213.225)	14.249.369.772
7 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
8 Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		84.505.315.274	86.846.590.816
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		747.586.889.924	732.169.910.015

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Người lập

KT. Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Hoa Vinh

Nguyễn Thị Hoa Vinh



Phó Tổng giám đốc

Phạm Thị Cẩm Anh

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này)

Mẫu số B 02a - DN /HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	97.780.144.231	432.104.102.572
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	1.728.750.001
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.2.	97.780.144.231	430.375.352.571
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.3	86.923.789.625	384.038.153.148
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 =10-11)	20		10.856.354.606	46.337.199.423
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1.161.648.113	2.487.338.229
7 Chi phí tài chính	22	VI.5	2.435.499.935	812.795.586
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.216.474.361	812.795.586
8 Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	24		-	-
9 Chi phí bán hàng	25	VI.8	-	229.817.090
10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	16.696.962.760	21.033.168.700
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+24-(25+26)}	30		(7.114.459.976)	26.748.756.276
12 Thu nhập khác	31	VI.6	32.216.844	178.225.265
13 Chi phí khác	32	VI.7	517.258.979	14.128.520
14 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(485.042.135)	164.096.745
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+ 40)	50		(7.599.502.111)	26.912.853.021
16 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	470.932	2.352.197.710
17 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(708.540.356)	1.983.672.631
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(6.891.432.687)	22.576.982.680
19 Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(6.345.213.225)	15.764.903.923
20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(546.219.462)	6.812.078.757
21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	(352,95)	817,64

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Người lập

KT. Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Hoa Vinh

Nguyễn Thị Hoa Vinh



Phạm Thị Cẩm Anh

Phạm Thị Cẩm Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(7.599.502.111)	26.912.853.021
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		3.922.956.477	2.491.309.585
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(903.971.851)	(2.567.338.229)
- Chi phí lãi vay	06		2.216.474.361	812.795.586
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(2.364.043.124)	27.649.619.963
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		92.915.947.824	98.473.981.609
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(120.188.933.928)	124.526.897.463
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(61.273.346.794)	(277.466.500.088)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		324.887.333	(105.774.029)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.216.474.361)	(812.795.586)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.266.347.063)	(2.566.884.439)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(664.406.492)	(160.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(95.732.716.605)	(30.462.055.107)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(7.129.463.756)	(6.735.069.610)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		188.181.818	80.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.186.805.215	2.487.338.229
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.754.476.723)	(4.167.731.381)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		2.000.000.000	8.520.000.000
3. Tiền thu từ đi vay	33		156.905.535.392	90.138.237.939
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(69.010.119.714)	(191.963.631.402)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(62.900.000)	(278.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		89.832.515.678	(93.583.793.463)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(11.654.677.650)	(128.213.579.951)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		105.782.587.930	322.054.726.009
Ảnh hưởng của thay đổi TGHD quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.01	94.127.910.280	193.841.146.058

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Người lập

KT. Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc





Nguyễn Thị Hoa Vinh

Nguyễn Thị Hoa Vinh

Phạm Thị Cẩm Anh

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam, tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được chuyển thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2076/QĐ-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2004 của Bộ Xây dựng. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103006903 ngày 14/03/2005, thay đổi lần thứ 14 ngày 13 tháng 01 năm 2016.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 ngày 13 tháng 01 năm 2016 thì vốn điều lệ của Công ty là **200.000.000.000 đồng** (hai trăm tỷ đồng chẵn).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của Công ty là: Xây lắp và kinh doanh bất động sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh dịch vụ bất động sản;
- Thi công lắp đặt thiết bị chuyên dùng cấp, thoát nước, thang máy, hệ thống điện lạnh, điện máy, thông tin, xử lý môi trường trong các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện đến 110 KV, các công trình ngầm, xử lý nền móng;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi (cầu, đường, bến cảng, đê, đập, kè, kênh mương).

Trụ sở chính của Công ty

Địa chỉ: 161A Tô Hiệu, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng. Riêng chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi và thi công cơ giới các công trình của công ty thông thường là trên 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí đang thực hiện xây dựng các khu nhà ở thương mại (CT 11, 12, 13), Nhà ở xã hội khu đất NO3 thuộc dự án Khu đô thị mới Tứ Hiệp, đến cuối kỳ kế toán tại ngày 30/6/2017 Công ty vẫn đang trong quá trình xây dựng cơ bản và chưa phát sinh doanh thu kinh doanh bất động sản, doanh thu kỳ này là doanh thu từ dịch vụ quản lý các tòa nhà.

Công ty Cổ phần Hồng Hà Hà Nội và Công ty Cổ phần Sản xuất Cửa Hoa Kỳ đang có kế hoạch tái cơ cấu và chưa khai thác được hợp đồng mới nên trong kỳ chỉ thực hiện hoàn thiện nốt các công trình dở dang từ những năm trước.

Theo đó, doanh thu kỳ này giảm so với cùng kỳ năm trước.

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

6. Cấu trúc tập đoàn

Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

STT	Tên Công ty	Địa chỉ
1.	Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam	96/108 Đường Trục, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Thông tin chi tiết về các công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến 30/6/2017 như sau:

1. Công ty Cổ phần Hồng Hà Hà Nội
Địa chỉ: Số 18, ngõ 4, phố Phương Mai, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội
Hoạt động chính: xây lắp
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 75,50%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 75,50%
2. Công ty Cổ phần Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí
Địa chỉ: Khu đô thị Tứ Hiệp, Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội
Hoạt động chính: kinh doanh bất động sản
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 62,73%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 62,73%
3. Công ty Công ty Cổ phần Sản xuất Cửa Hoa Kỳ
Địa chỉ: Cụm Công nghiệp thực phẩm Hapro, Lệ Chi, Gia Lâm, Hà Nội
Hoạt động chính: sản xuất cửa và kinh doanh thương mại
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 57,14%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 57,14%

Thông tin chi tiết về công ty liên kết được phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến 30/6/2017 như sau:

1. Công ty Cổ phần Sông Đáy - Hồng Hà Dầu Khí
Địa chỉ: Số 102 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội
Hoạt động chính: sản xuất gạch bê tông nhẹ
Tỷ lệ phần sở hữu của Công ty: 43,83%
Tỷ lệ quyền biểu quyết: 43,83%

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập tại ngày 30/6/2017. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua công ty con hoặc mua các công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được trình bày riêng như một tài sản khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Giá gốc của lợi thế thương mại phát sinh là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt nam số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư và đầu tư khác

Cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Nợ phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

Tại ngày 30/06/2017, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ

7.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ tài chính.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm>
- Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 25
- Máy móc, thiết bị	03 - 10
- Phương tiện vận tải	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

7. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

Bất động sản đầu tư của Công ty bao là quyền sử dụng đất do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Công ty không khấu hao đối với Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất lâu dài.\

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí đầu tư xây dựng dự án cao ốc Văn phòng 407 Nguyễn An Ninh và chi phí xây dựng cơ bản khu đô thị mới Tứ Hiệp bao gồm: chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và cảnh quan, chi phí đầu tư xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở kinh doanh và các chi phí quản lý dự án khác,..., được ghi nhận theo giá gốc.

9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh, bao gồm các loại chi phí: chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ, khoản tổn thất do khoản thanh toán theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN giữa Công ty và Ông Nguyễn Tất Lạc chờ phân bổ và các chi phí trả trước khác.

Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

10. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty với công ty liên doanh, liên kết.

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm chi phí lãi vay phải trả và các khoản trích trước chi phí công trình, là các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa ghi nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh được phản ánh là dự phòng phải trả. Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn của các công trình tuân thủ các nguyên tắc:

Công ty chỉ trích trước chi phí để tạm tính giá vốn cho các công trình, hạng mục đã hoàn thành. Chi phí trích trước vào giá vốn là các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng. Số chi phí trích trước được tạm tính đảm bảo tương ứng với giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của công trình, hạng mục đã hoàn thành..

Chi phí lãi vay được xác định căn cứ theo hợp đồng vay, các khế ước nhận nợ từng lần đi vay.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty. Các cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ không được nhận cổ tức, không có quyền bầu cử hay tham gia phân chia tài sản khi Công ty giải thể. Khi chia cổ tức cho các cổ phần, các cổ phiếu quỹ đang do Công ty nắm giữ được coi là cổ phiếu chưa bán. Giá trị cổ phiếu quỹ được phản ánh là giá thực tế mua lại bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu, như chi phí giao dịch, thông tin...

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được hình thành từ lợi nhuận sau thuế và được sử dụng vào việc khen thưởng hoặc các mục đích khác phục vụ công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty là doanh thu hợp đồng xây dựng, doanh thu cung cấp dịch vụ khác và doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó. Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tổng Công ty/Doanh nghiệp tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.

Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hoạt động xây lắp được tập hợp và ghi nhận tương ứng với doanh thu ghi nhận trong kỳ được xác định như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

Giá vốn trong năm = Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ + Chi phí phát sinh trong kỳ - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ.

Trong đó: Chi phí SXKD dở dang cuối kỳ được xác định theo biên bản kiểm kê khối lượng dở dang cuối kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, lãi chậm nộp.

17. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10% cho các dịch vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<i>Tiền</i>	66.371.421.238	41.090.219.930
Tiền mặt	57.755.278.894	2.260.470.836
Tiền gửi ngân hàng	8.616.142.344	38.829.749.094
<i>Các khoản tương đương tiền</i>	27.756.489.042	64.692.368.000
Cộng	94.127.910.280	105.782.587.930

2. Phải thu của khách hàng

	30/06/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a) Ngắn hạn</i>	89.368.173.614	-	185.572.678.131	-
Bệnh viện Chợ Rẫy - Trung tâm Ung Bướu	29.873.102.128	-	32.665.487.972	-
Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	1.641.955.327	-	24.133.873.000	-
Bệnh viện Bệnh nhiệt đới trung ương	6.002.760.750	-	15.220.837.000	-
Trường Đại học Y tế công cộng	9.148.322.000	-	13.272.322.000	-
Công ty Cổ phần HANCORP	7.337.356.099	-	6.278.628.845	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	6.417.781.986	-	13.228.781.986	-
Các đối tượng khác	28.946.895.324	-	80.772.747.328	-
<i>b) Dài hạn</i>	145.165.493	145.165.493	145.165.493	145.165.493
Tổng Công ty Licogi	145.165.493	145.165.493	145.165.493	145.165.493
Cộng	89.513.339.107	145.165.493	185.717.843.624	145.165.493

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)***3. Trả trước cho người bán**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Công ty Liên doanh Sunjin Việt Nam	-	2.495.419.000
Công ty CP Nước và Xây dựng Đường Thành	553.884.000	553.884.000
Trương Trung Nghĩa	4.575.451.096	50.220.548
Công ty TNHH Đầu tư thương mại An Viên	966.610.000	-
Các đối tượng khác	2.694.032.545	2.891.186.940
Cộng	8.789.977.641	5.990.710.488

4. Phải thu về cho vay

Đơn vị tính: VND

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a) Ngắn hạn</i>				
Công ty Kinh doanh tổng hợp Việt Lào (1)	55.000.000.000	55.000.000.000	55.000.000.000	55.000.000.000
Công ty CP Sông đáý Hồng Hà Dầu khí (2)	1.300.000.000	-	1.300.000.000	
Cộng	56.300.000.000	55.000.000.000	56.300.000.000	55.000.000.000

(1) Là khoản Công ty cho Công ty Kinh doanh tổng hợp Việt Lào vay theo Hợp đồng cho vay vốn số 01/2009/VL/HHDK với thời hạn vay từ ngày 31/01/2010 đến ngày 31/01/2012.

(2) Là khoản Công ty cho Công ty CP Sông Đáý Hồng Hà Dầu khí vay theo Hợp đồng vay vốn ngày 24/7/2015, mức cho vay tối đa là 2 tỷ đồng, số tiền vay theo từng lần nhận nợ, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 6 tháng đối với mỗi lần nhận nợ, lãi suất 9%/năm.

b) Phải thu về cho vay là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số VIII.2

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Địa chỉ: 161A Tô Hiệu, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

Mẫu số B 09a - DN /HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

5. Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VND

01/01/2017

30/06/2017

	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	32.500.500.000	28.741.894.721	32.500.500.000	28.741.894.721
Đầu tư vào công ty liên kết	26.300.000.000	22.541.394.721	26.300.000.000	22.541.394.721
Công ty CP Sông đáy Hồng Hà Dầu Khí (1)	26.300.000.000	22.541.394.721	26.300.000.000	22.541.394.721
Đầu tư dài hạn khác	6.200.500.000	6.200.500.000	6.200.500.000	6.200.500.000
Công ty CP Kinh doanh tổng hợp Việt Lào (2)	4.200.500.000	4.200.500.000	4.200.500.000	4.200.500.000
Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản Quảng Ninh (3)	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	32.500.500.000	28.741.894.721	32.500.500.000	28.741.894.721

Chi tiết khoản đầu tư

(1) Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu Khí

01/01/2017

30/06/2017

- Tỷ lệ vốn nắm giữ	43,83	%	43,83	%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết	43,83	%	43,83	%

Trụ sở và ngành nghề kinh doanh chính: Cụm công nghiệp Hà Mãn - Trí Quả, xã Hà Mãn, huyện Thuận Thành, Bắc Ninh. Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các loại gạch trung áp.

Giao dịch chủ yếu giữa Công ty và Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu Khí: cung cấp gạch trung áp các loại.

Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tỷ lệ vốn nắm giữ nhân số lỗ lũy kế trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/6/2017.

(2) Công ty CP Kinh doanh tổng hợp Việt Lào

01/01/2017

30/06/2017

- Tỷ lệ vốn nắm giữ	19,05	%	19,05	%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết	19,05	%	19,05	%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

Trụ sở và ngành nghề kinh doanh chính: Số 96 Hà Huy Tập, thành phố Vinh, Nghệ An. Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.

Giá trị hợp lý được Công ty xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng.

(3) Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản Quảng Ninh

	30/06/2017	01/01/2017
- Tỷ lệ vốn nắm giữ	9,98 %	9,98 %
- Tỷ lệ quyền biểu quyết	9,98 %	9,98 %

Trụ sở và ngành nghề kinh doanh chính: Số 35 Bến Tàu, phường Bạch Đằng, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh. Công ty hoạt động trong lĩnh vực Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

Giao dịch chủ yếu giữa Công ty và Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản Quảng Ninh: nhận cổ tức.

Giá trị hợp lý được Công ty xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng.

6. Phải thu khác

	30/06/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	33.089.094.885	6.025.555.900	41.856.310.806	6.025.555.900
Tổng Công ty CP Xây lắp dầu khí Việt Nam (1)	3.436.929.990	-	3.436.929.990	-
Công ty Kinh doanh tổng hợp Việt Lào	6.025.555.900	6.025.555.900	6.025.555.900	6.025.555.900
Công ty CP phát triển Tân Việt (2)	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Công ty TNHH Phong Thịnh (3)	11.347.160.000	-	11.347.160.000	-
Tạm ứng	260.152.500	-	293.801.500	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	30.142.674	-	683.652.715	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội	30.142.674	-	683.652.715	-
Dư nợ TK 338	-	-	-	-
Phải thu khác	6.989.153.821	-	15.069.210.701	-
b) Dài hạn	404.500.000	(390.000.000)	404.500.000	(390.000.000)
Ký quỹ, ký cược dài hạn	390.000.000	(390.000.000)	390.000.000	(390.000.000)
Các đối tượng khác	14.500.000	-	14.500.000	-
Cộng	33.493.594.885	5.635.555.900	42.260.810.806	5.635.555.900

(1) Là phần lợi nhuận cố định phải chia theo hợp đồng của Dự án Nguyễn An Ninh - Vũng Tàu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 122/2009/BCC-PVC HH ngày 02/06/2009 giữa Công ty và Tổng Công ty CP Xây lắp dầu khí Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

(2) Là khoản phải thu theo thỏa thuận liên doanh ba bên giữa Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam, Công ty Cổ phần Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí và Công ty Cổ phần Phát triển Tân Việt về việc mua lại Dự án Khu nhà ở Ao trũng tại phường Long Biên, Hà Nội theo Biên bản thỏa thuận về việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp thực hiện Dự án đầu tư ngày 9/11/2016.

(3) Là khoản chuyển tiền theo hợp đồng Dây chuyền tuyến nổi quặng đồng cho Công ty TNHH Phong Thịnh số 09/2010 ngày 08/09/2010; Phụ lục hợp đồng ngày 22/02/2011; Phụ lục hợp đồng 02 ngày 22/03/2011. Theo Giấy phép đầu tư nước ngoài số 035 do Tiểu ban quản lý - khuyến khích đầu tư trong nước và nước ngoài, nước Cộng hòa DCND Lào cấp ngày 24/08/2010 và Giấy đăng ký kinh doanh số 3185 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Cục thương mại trong nước, Bộ Công thương, Nước Cộng hòa DCND Lào cấp ngày 25/08/2010, Công ty góp vốn cùng ông Nguyễn Tất Lạc, ông Chakkaphanh Buasavan thành lập Nhà máy chế biến quặng thành phẩm M.P.F (nhà máy đặt tại bản Huai phan la, huyện Kasi, tỉnh Viêng Chăn, nước Cộng hòa DCND Lào), số vốn góp đăng ký của Công ty là 20%. Đến thời điểm 29/12/2011, ông Nguyễn Tất Lạc và Nhà máy chế biến quặng thành phẩm M.P.F xác nhận số tiền tương đương số tiền đồng Việt Nam là 11.347.160.000 đã chuyển cho Công ty TNHH Phong Thịnh là khoản tiền Công ty đã đầu tư vào Nhà máy chế biến quặng thành phẩm M.P.F (dây chuyền nói trên đã được vận chuyển đến vị trí của Nhà máy chế biến quặng thành phẩm M.P.F tại bản Huai phan la, huyện Kasi, tỉnh Viêng Chăn, nước Cộng hòa DCND Lào).

7. Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
<i>Phải thu khách hàng</i>	61.560.721.393	-	61.560.721.393	-
Công ty Kinh doanh tổng hợp Việt Lào	61.025.555.900	-	61.025.555.900	-
Công ty Knight Frank	390.000.000	-	390.000.000	-
Tổng công ty Licogi	145.165.493	-	145.165.493	-
Cộng	61.560.721.393	-	61.560.721.393	-

8. Hàng tồn kho

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	145.645.902.194	-	1.900.700.357	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	9.086.363	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	91.173.091.687	-	114.720.273.233	-
Cộng	236.818.993.881	-	116.630.059.953	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Địa chỉ: 161A Tô Hiệu, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp nhất và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND	
					Cộng	
Nguyên giá						
Số dư ngày 01/01/2017	4.944.416.927	26.911.971.605	12.216.210.947	396.880.749		44.469.480.228
Mua trong kỳ	-	6.010.896.722	-	110.645.454		6.121.542.176
Thanh lý, nhượng bán	(1.259.799.091)	-	(34.430.827)	-		(1.294.229.918)
Giảm khác	-	-	-	-		-
Giảm khác	-	-	-	-		-
Số dư ngày 30/06/2017	3.684.617.836	32.922.868.327	12.181.780.120	507.526.203		49.296.792.486
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2017	3.106.558.243	17.507.365.832	4.431.191.992	396.880.749		25.441.996.816
Khấu hao trong kỳ	71.099.459	778.254.090	798.808.928	12.294.000		1.660.456.477
Tăng khác	(824.868.000)	-	(34.430.827)	-		(859.298.827)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-		-
Giảm khác	-	-	-	-		-
Giảm khác	-	-	-	-		-
Số dư ngày 30/06/2017	2.352.789.702	18.285.619.922	5.195.570.093	409.174.749		26.243.154.466
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2017	1.837.858.684	9.404.605.773	7.785.018.955	-		19.027.483.412
Tại ngày 30/06/2017	1.331.828.134	14.637.248.405	6.986.210.027	98.351.454		23.053.638.020

- Nguyên giá của TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là: 18.238.838.616 VND.

Như trình bày tại Thuyết minh số V.13, Công ty đã thế chấp tài sản là xe ô tô Mercedes-benz trị giá 1,571 tỷ đồng với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 1.288.187.582

VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)***10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Khoản mục	01/01/2017	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Đơn vị tính: VND
				30/06/2017
Nguyên giá	881.367.500	-	-	881.367.500
Nhà cửa, vật kiến trúc	-	-	-	-
Giá trị quyền sử dụng đất	881.367.500	-	-	881.367.500
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
Nhà cửa, vật kiến trúc	-	-	-	-
Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Giá trị còn lại	881.367.500	-	-	881.367.500
Nhà cửa, vật kiến trúc	-	-	-	-
Giá trị quyền sử dụng đất	881.367.500	-	-	881.367.500

- Nguyên giá BĐS đầu tư cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 VND.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

11. Tài sản dở dang dài hạn

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn</i>		
<i>Dự án cao ốc Văn phòng 407 Nguyễn An Ninh</i>	3.112.934.951	3.112.934.951
<i>Dự án Khu đô thị mới Tứ Hiệp</i>	148.871.005.901	151.618.305.284
Cộng	151.983.940.852	154.731.240.235

12. Chi phí trả trước

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	99.004.098	125.102.887
Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	59.213.826	93.669.713
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	39.790.272	31.433.174
b) Dài hạn	32.947.978.575	33.246.767.119
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	436.728.575	735.517.119
Khoản thanh toán theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN (*)	32.511.250.000	32.511.250.000
Cộng	33.046.982.673	33.371.870.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)*

(*) Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam số 10/2015/BB-HĐQT ngày 25/12/2015, Công ty xác định khoản thanh toán số tiền 77.022.500.000 đồng theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN ngày 23/06/2010 giữa Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí (nay là Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam) và Ông Nguyễn Tất Lạc là một khoản tổn thất. Khoản tổn thất này được ghi nhận và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty từ năm 2015. Số phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm 2015 là 38.511.250.000 đồng, năm 2016 là 6.000.000.000 đồng. Số tiền còn lại được Công ty ghi nhận là khoản chi phí trả trước dài hạn chờ phân bổ.

13. Phải trả người bán

	30/06/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</i>				
Nguyễn Sơn Cương	4.541.065.361	4.541.065.361	7.349.521.887	7.349.521.887
Lê Quốc Tuấn	12.509.732.338	12.509.732.338	17.613.082.921	17.613.082.921
Lê Văn Hùng	9.008.974.526	9.008.974.526	12.556.413.536	12.556.413.536
Trương Trung Nghĩa	19.675.067.060	19.675.067.060	39.107.410.315	39.107.410.315
Cao Tiến Hưng	11.339.846.516	11.339.846.516	17.092.504.260	17.092.504.260
Các đối tượng khác	89.717.576.033	89.717.576.033	119.098.858.715	119.098.858.715
Cộng	146.792.261.834	146.792.261.834	212.817.791.634	212.817.791.634

14. Người mua trả tiền trước

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Bệnh viện Việt Đức	8.394.232.300	18.505.567.300
Trường ĐH Y Hà Nội	1.200.000.000	1.200.000.000
Công ty TNHH MTV Ứng dụng công nghệ mới và du lịch	9.566.294.644	80.710.400
Các đối tượng khác	10.096.742.182	4.349.643.255
Cộng	29.257.269.126	24.135.920.955

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiêu	Đơn vị tính: VND	
	30/06/2017	01/01/2017
Phải nộp		
Thuế GTGT đầu ra	344.140.541	4.314.015.212
Thuế TNDN	137.175.094	2.374.547.186
Thuế Thu nhập cá nhân	29.042.210	234.050.790
Cộng	510.357.845	6.922.613.188
Phải thu		
Thuế GTGT đầu ra	420.034.000	-
Thuế TNDN	28.974.971	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	50.345.764
Cộng	449.008.971	50.345.764

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 (Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

16. Vay và nợ thuê Tài chính	30/06/2017		01/01/2017		Đơn vị tính: VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm		Giá trị
<i>Các khoản vay</i>						
a) Vay ngắn hạn						
Công ty CP Hồng Hà Việt Nam						
Ngân hàng TMCP INDOVINA - CN Thiên Long	9.864.250	9.864.250	121.357.050	123.407.800	11.915.000	11.915.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội (1)	12.792.593.978	12.792.593.978	12.792.593.978	5.400.000.000	5.400.000.000	5.400.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thanh Xuân (2)	80.173.360.999	80.173.360.999	96.976.146.464	62.573.961.914	45.771.176.449	45.771.176.449
Công ty Cổ phần Hồng Hà Hà Nội						
Ngân hàng TMCP Quân đội	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Cửa Hoa Kỳ						
Ngân hàng TMCP Quân đội Nguyễn Thủy Hoàn	762.000.000	762.000.000	75.000.000	221.400.000	908.400.000	908.400.000
Vay dài hạn						
Công ty CP Hồng Hà Việt Nam						
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thanh Xuân (3)	2.174.175.000	2.174.175.000	-	599.050.000	2.773.225.000	2.773.225.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội (4)	4.358.200.000	4.358.200.000	4.358.200.000	-	-	-
Công ty CP Tư nghiệp Hồng Hà Dầu Khí						
Ngân hàng TNHH Indovina - CN Mỹ Đình (5)	41.382.237.900	41.382.237.900	41.382.237.900	-	-	-
Công ty Cổ phần Cửa Hoa Kỳ						
Ngân hàng TMCP Quân đội	94.800.000	94.800.000	-	92.300.000	187.100.000	187.100.000
Cộng	142.947.232.127	142.947.232.127	156.905.535.392	69.010.119.714	55.051.816.449	55.051.816.449

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Địa chỉ: 161A Tô Hiệu, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

- (1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 08/2017-HĐTD/NHCT146-HONGHAVN ngày 14/3/2017. Hạn mức cho vay 10.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay: tối đa không quá 6 tháng kể từ ngày nhận nợ. Lãi suất cho vay thả nổi, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 6,5%/năm. Mục đích sử dụng tiền vay là nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công xây dựng gói thầu số 23: Hạng mục bổ sung khối lượng đoạn từ K.5+780 đến K.5+920 (bờ trái) và đoạn từ điểm cuối dự án K6+052 đến sông Cái - Công trình Nạo vét suối sắn máu, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- (2) Vay ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thanh Xuân theo:
 - + Hợp đồng tín dụng số 58757.16.003.5466.TD ngày 20/9/2016. Hạn mức công trình: 80.000.000.000 đồng; doanh số cho vay tối đa: 400.000.000.000 đồng. Thời hạn cấp tín dụng bằng thời hạn đến trước trong 02 thời hạn; hoặc hết hết ngày 24/5/2017 hoặc tối đa không quá 03 tháng so với thời hạn thi công trình theo xác nhận của Chủ đầu tư. Lãi suất áp dụng theo văn bản nhận nợ với MB. Mục đích sử dụng vốn vay: bổ sung vốn lưu động để thực hiện gói thầu Xây dựng Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức - số 1 thuộc Dự án: "Đầu tư xây dựng mới cơ sở 2 của Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức" theo Hợp đồng số 200/2015/HĐ-XDVPĐ-01 ngày 24/02/2015 đã ký với Ban quản lý dự án Y tế trọng điểm.
 - + Hợp đồng tín dụng hạn mức số 16.13.003.5466.TD ngày 28/01/2013. Hạn mức công trình: 48.000.000.000 đồng, doanh số cho vay tối đa là 237.000.000.000 đồng. Lãi suất cho vay được quy định cụ thể trên khế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân. Mục đích sử dụng khoản vay nhằm bổ sung vốn lưu động thực hiện Hợp đồng thi công xây dựng số 71/2012/HĐXD ngày 28/11/2012 đã ký giữa Bệnh viện Chợ Rẫy và Liên danh Công ty CP Hồng Hà đầu khi và Công ty CP Tư vấn thiết kế và xây lắp CDS về việc thi công xây dựng gói thầu TV-XL-TB01-2012.
 - + Hợp đồng cấp tín dụng số 148.14.003.5466.TD ngày 05/01/2015. Hạn mức cho vay: 40.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay: 06 tháng. Lãi suất cho vay được xác định cụ thể trong từng Giấy nhận nợ. Mục đích khoản vay nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công gói thầu số 3XD - Khối lớp học, giảng đường, hội trường, thư viện, hành chính thuộc Dự án Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ngành tài chính tại TP Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thi công xây dựng số 56/2014/HĐXL ngày 25/6/2014.
- (3) Khoản vay Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 213.15.003.5466.TD ngày 03/03/2015. Hạn mức cho vay 14.073.000.000 đồng. Mục đích vay phát hành bảo lãnh thanh toán, mở LC, cho vay để khách hàng mua máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Lãi suất theo quy định của từng khoản vay.
- (4) Khoản vay dài hạn Ngân hàng theo Hợp đồng cho vay từng lần số 23/2017-HĐTDTH/NHCT146-HONG HA VN ngày 17/05/2017. Hạn mức tín dụng 8.150.000.000 đồng. Thời hạn giải ngân là 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Lãi suất cho vay được xác định cụ thể trên từng giấy nhận nợ. Mục đích cho vay để đầu tư tài sản cố định phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- (5) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TNHH Indovina - CN Mỹ Đình theo Hợp đồng tín dụng số 102/IVBMD-HĐTH/2017 ngày 06/06/2017 giữa Công ty CP Tư Hiệp Hồng Hà đầu khi với Ngân hàng TNHH Indovina - CN Mỹ Đình. Khoản vay có hạn mức 750 tỷ đồng với thời hạn giải ngân trong vòng 32 tháng, lãi suất áp dụng là 10,75% cho 365 ngày. Khoản vay được ân hạn lãi suất trong vòng 6 tháng và gốc vay trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)***17. Chi phí phải trả**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	43.232.294.494	34.722.445.302
Trích trước chi phí công trình	12.771.010.001	670.264.243
Trích trước giá vốn bất động sản đã bán	30.269.092.601	34.052.181.059
Chi phí khác	192.191.892	-
Cộng	43.232.294.494	34.722.445.302

18. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	57.458.815.964	48.469.236.613
Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
Kinh phí công đoàn	340.000.520	248.989.480
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	267.051.893	-
Phải trả, phải nộp khác	56.851.763.551	48.220.247.133
<i>Công ty TNHH Hồng Hà Thành Công</i>	<i>200.012.008</i>	<i>200.012.008</i>
<i>Phí bảo trì chung cư</i>	<i>12.322.184.000</i>	<i>12.322.184.000</i>
<i>Công ty CP TH Thăng Long (*)</i>	<i>32.782.527.000</i>	<i>32.782.527.000</i>
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>9.727.381.000</i>	<i>677.381.000</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>1.819.659.543</i>	<i>2.238.143.125</i>
Cộng	57.458.815.964	48.469.236.613

(*) Căn cứ theo Hợp đồng kinh tế số 05B/HĐKT giữa Công ty Cổ phần TH Thăng Long (Bên nhận chuyển giao) với Công ty Cổ phần Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí (Bên chuyển giao) ký ngày 05/05/2014 về việc chuyển giao hạ tầng các ô đất TH và NT để xây dựng Trường tiểu học và Nhà trẻ, mẫu giáo tại Dự án Khu đô thị mới Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội Bên chuyển giao Trường tiểu học ký hiệu ô đất TH với diện tích đất là 5.944 (m²), Nhà trẻ, mẫu giáo ký hiệu ô đất NT với diện tích đất là 4.715 (m²) tổng diện tích đất là 10.659 (m²) khi bên nhận chuyển giao nhận được văn bản của UBND thành phố Hà Nội phê duyệt. Giá trị của hợp đồng là 38.692.170.000 đồng (Đã bao gồm VAT 10%).

19. Vốn chủ sở hữu**19.1 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	18.175.155.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 (Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

19. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

19.2 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng	Đơn vị tính: VND
Số dư ngày 01/01/2016	200.000.000.000	59.696.774.500	(21.089.302.618)	(9.143.373.758)	229.464.098.124	-
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	(9.130.791)	14.249.369.772	14.249.369.772	(9.130.791)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(11.524.389.185)	(11.524.389.185)	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2016	200.000.000.000	59.696.774.500	(21.098.433.409)	(6.418.393.171)	232.179.947.920	-
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	-	(6.345.213.225)	(6.345.213.225)	-
Tăng khác	-	-	(4.458.666)	3.721.124.388	3.716.665.722	-
Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
Chuyển lợi nhuận tăng vốn	-	-	-	(18.175.155.000)	(18.175.155.000)	-
Chia cổ tức	-	-	-	(1.226.419.862)	(1.226.419.862)	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	73.931.692	73.931.692	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư ngày 30/06/2017	200.000.000.000	59.696.774.500	(21.102.892.075)	(28.370.125.178)	210.223.757.247	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)***19.3 Cổ phiếu**

	30/06/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	1.900.000	1.900.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.900.000	1.900.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.100.000	18.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	18.100.000	18.100.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

19.4 Các quỹ của doanh nghiệp

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2017	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2017
Quỹ đầu tư phát triển	25.183.653.303	-	-	25.183.653.303
Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.232.251.900	-	-	4.232.251.900
Cộng	29.415.905.203	-	-	29.415.905.203

(* Mục đích trích lập quỹ:

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty phù hợp với quy định tại điều lệ của Công ty.

Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ

VI.**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
a) Doanh thu		
Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	244.673.529.594
Doanh thu hợp đồng xây dựng	94.972.415.727	183.358.266.859
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.807.728.504	2.343.556.118
Cộng	97.780.144.231	430.375.352.571
2. Doanh thu thuần bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ		
	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	244.673.529.594
Doanh thu hợp đồng xây dựng	94.972.415.727	183.358.266.859
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.807.728.504	2.343.556.118
Cộng	97.780.144.231	430.375.352.571

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)***3. Giá vốn bán hàng**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Giá vốn kinh doanh bất động sản		158.089.850.426
Giá vốn hợp đồng xây dựng	84.108.869.736	224.045.931.794
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	2.814.919.889	1.902.370.928
Cộng	86.923.789.625	384.038.153.148

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.011.630.215	2.282.155.919
Cổ tức, lợi nhuận được chia	150.000.000	150.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	17.898	55.182.310
Cộng	1.161.648.113	2.487.338.229

5. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lãi tiền vay	2.216.474.361	812.795.586
Lãi chậm nộp	219.025.574	
Cộng	2.435.499.935	812.795.586

6. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	72.727.273
Thu nhập từ phạt vi phạm hợp đồng	10.000.000	5.603.200
Các khoản thu nhập khác	22.216.844	99.894.792
Cộng	32.216.844	178.225.265

7. Chi phí khác

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Giá trị còn lại của Tài sản cố định	257.658.364	-
Chi phí nộp phạt	-	28.520.000
Các khoản khác	259.600.615	14.100.000
Cộng	517.258.979	14.128.520

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	16.696.962.760	21.033.168.700
Chi phí nhân viên quản lý	8.459.932.059	10.016.553.582
Chi phí đồ dùng văn phòng	321.090.292	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	907.885.510	469.221.991
Thuế, phí lệ phí	12.000.000	-
Lợi thế thương mại	2.262.500.000	2.262.500.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.027.002.536	5.952.521.976
Chi phí bằng tiền khác	1.706.552.363	2.332.371.151
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	-	229.817.090
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	229.817.090
Cộng	16.696.962.760	21.262.985.790
9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên, vật liệu	155.296.052.832	171.229.961.083
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	24.325.312	-
Chi phí nhân công	31.247.159.656	57.930.299.661
Chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	3.922.956.477	2.284.864.285
Chi phí dịch vụ mua ngoài	87.914.010.270	36.267.921.715
Chi phí khác bằng tiền	1.741.428.943	-
Cộng	280.145.933.490	267.713.046.744
10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
		VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)		470.932
Trong đó:		
Công ty CP Hồng Hà Việt Nam		-
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội		-
Công ty CP Tư Hiệp Hồng Hà Dầu Khí		470.932
Công ty CP Cửa Hoa Kỳ		-
Công ty TNHH Xây Lắp Hồng Hà Sài Gòn		-
11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VN
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(6.345.213.225)	15.764.903.92

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
+ Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(6.345.213.225)	15.764.903.923
+ Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	43.244.574	965.658.454
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	18.100.000	18.100.000
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(352,95)	817,64

(*) Quỹ khen thưởng phúc lợi 6 tháng đầu năm 2017 được tạm ước tính theo tỷ lệ đã trích năm 2016

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
1. Số tiền đi vay thực thu trong năm:		
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường:	156.905.535.392	90.138.237.939
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:		
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	69.010.119.714	191.963.631.402

VIII. Những thông tin khác

1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Công ty CP Sông đáý Hồng Hà Dầu Khí

Mối quan hệ

Công ty liên kết

2.1. Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan

2.2. Số dư các bên liên quan

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu về cho vay	1.300.000.000	1.300.000.000
Công ty CP Sông đáý Hồng Hà Dầu Khí	1.300.000.000	1.300.000.000
Phải thu khác	-	25.175.000
Công ty CP Sông đáý Hồng Hà Dầu Khí	-	25.175.000

2.3. Thu nhập của Ban Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lương và các khoản phụ cấp	1.165.500.000	991.129.100
Cộng	1.165.500.000	991.129.100

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 (Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

3. Báo cáo bộ phận
3.1 Báo cáo bộ phận chính yếu: Theo khu vực địa lý
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến 30/6/2017

Chỉ tiêu	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Tổng bộ phận đã báo cáo	Loại trừ	Tổng cộng
1. Doanh thu bán hàng thuần	93.719.198.745	546.082.727	57.310.402.287	151.575.683.759	53.795.539.528	97.780.144.231
2. Giá vốn hàng bán	88.134.658.617	505.615.764	48.536.352.991	137.176.627.372	50.252.837.747	86.923.789.625
3. Lợi nhuận gộp	5.584.540.128	40.466.963	8.774.049.296	14.399.056.387	3.542.701.781	10.856.354.606

3.2 Báo cáo bộ phận thứ yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh
 Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/6/2017

Chỉ tiêu	Xây lắp	Chuyển nhượng BĐS	Khác	Tổng bộ phận đã báo cáo	Loại trừ	Tổng cộng
Tài sản						
Tài sản bộ phận	545.609.798.942	4.436.929.990	427.639.655.953	977.686.384.885	230.099.494.961	747.586.889.924
Tổng tài sản hợp nhất	545.609.798.942	4.436.929.990	427.639.655.953	977.686.384.885	230.099.494.961	747.586.889.924
Nợ phải trả	336.909.996.057	-	140.974.394.127	477.884.390.184	54.442.477.984	423.441.912.200
Nợ phải trả bộ phận	336.909.996.057	-	140.974.394.127	477.884.390.184	54.442.477.984	423.441.912.200
Tổng nợ phải trả hợp nhất	336.909.996.057	-	140.974.394.127	477.884.390.184	54.442.477.984	423.441.912.200

Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2017

Chỉ tiêu	Xây lắp	Chuyển nhượng BĐS	Khác	Tổng bộ phận đã báo cáo	Loại trừ	Tổng cộng
Tài sản						
Tài sản bộ phận	530.571.459.525	4.436.929.990	415.219.006.757	950.227.396.272	218.057.486.257	732.169.910.015
Tổng tài sản hợp nhất	530.571.459.525	4.436.929.990	415.219.006.757	950.227.396.272	218.057.486.257	732.169.910.015
Nợ phải trả	319.422.980.307	-	116.667.036.474	436.090.016.781	52.362.550.705	383.727.466.076
Nợ phải trả bộ phận	319.422.980.307	-	116.667.036.474	436.090.016.781	52.362.550.705	383.727.466.076
Tổng nợ phải trả hợp nhất	319.422.980.307	-	116.667.036.474	436.090.016.781	52.362.550.705	383.727.466.076

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

3. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến 30/6/2017

Chỉ tiêu	Xây lắp	Khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần	96.525.334.446	1.287.026.629	97.812.361.075
Doanh thu hoạt động tài chính	1.161.648.113	-	1.161.648.113
Chi phí sản xuất kinh doanh	104.829.522.007	1.743.989.292	106.573.511.299
- Giá vốn hàng bán	85.697.059.312	1.743.989.292	87.441.048.604
- Chi phí tài chính	2.435.499.935	-	2.435.499.935
- Chi phí bán hàng	-	-	-
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	16.696.962.760	-	16.696.962.760
Lợi nhuận trước thuế	(7.142.539.448)	(456.962.663)	(7.599.502.111)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

Chỉ tiêu	Xây lắp	Khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần	429.381.442.690	1.172.135.146	430.553.577.836
Doanh thu hoạt động tài chính	1.376.155.919	1.111.182.310	2.487.338.229
Chi phí sản xuất kinh doanh	404.957.634.543	1.170.428.501	406.128.063.044
- Giá vốn hàng bán	382.881.853.167	1.170.428.501	384.052.281.668
- Chi phí tài chính	812.795.586	-	812.795.586
- Chi phí bán hàng	229.817.090	-	229.817.090
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	21.033.168.700	-	21.033.168.700
Lợi nhuận trước thuế	25.799.964.066	1.112.888.955	26.912.853.021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

4. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số VI.13 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

<i>Công nợ tài chính</i>	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Các khoản vay	142.947.232.127	55.051.816.449
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	94.127.910.280	105.782.587.930
Nợ thuần	48.819.321.847	(50.730.771.481)
Vốn chủ sở hữu	324.144.977.724	348.442.443.939
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	15%	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số V.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	94.127.910.280	105.782.587.930
Phải thu khách hàng và phải thu khác	116.446.212.599	221.417.933.037
Các khoản đầu tư tài chính	6.200.500.000	6.200.500.000
Tổng cộng	216.774.622.879	333.401.020.967

Công nợ tài chính

Các khoản vay	142.947.232.127	55.051.816.449
Phải trả người bán và phải trả khác	204.251.077.798	261.287.028.247
Chi phí phải trả	43.232.294.494	34.722.445.302
Tổng cộng	390.430.604.419	351.061.289.998

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)***Rủi ro thị trường**

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

30/06/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	204.251.077.798	-	204.251.077.798
Chi phí phải trả	43.232.294.494	-	43.232.294.494
Các khoản vay	94.937.819.227	48.009.412.900	142.947.232.127
01/01/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	261.287.028.247	-	261.287.028.247
Chi phí phải trả	34.722.445.302	-	34.722.445.302
Các khoản vay	52.091.491.449	2.960.325.000	55.051.816.449

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Tổng giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)*

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/06/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	94.127.910.280	-	94.127.910.280
Phải thu khách hàng và phải thu khác	116.431.712.599	14.500.000	116.446.212.599
Các khoản đầu tư tài chính	-	6.200.500.000	6.200.500.000
01/01/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	105.782.587.930	-	105.782.587.930
Phải thu khách hàng và phải thu khác	221.403.433.037	14.500.000	221.417.933.037
Các khoản đầu tư tài chính	-	6.200.500.000	6.200.500.000

5. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam VAE.

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Người lập

KT. Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc



Nguyễn Thị Hoa Vinh

Nguyễn Thị Hoa Vinh

Phạm Thị Cẩm Anh